TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 4 - 2021.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thúy Nguyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Ngọc Hà;
2. Bà Nguyễn Ngọc Diễm.

Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 460/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020. về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1980. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Huỳnh Thanh N, sinh năm: 1977. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ*:
Huỳnh Quốc T (nam), sinh ngày 25/3/2000
Huỳnh Ngọc K (nữ), sinh ngày 15/5/2003.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2020 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Chị và anh Huỳnh Thanh N tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2005 tại xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung tên Huỳnh Quốc T (nam), sinh ngày 25/3/2000 (đã trưởng thành), Huỳnh Ngọc K (nữ), sinh ngày 15/5/2003. Nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống của vợ chồng không phù hợp nhau, hơn nữa trong công việc đi làm thuê hằng ngày chị và anh N thường xuyên cự cãi, khi về nhà thì anh N có đánh chị. Chị và anh N đã ly thân 03 năm, nay tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn. Về con chung: hai con đã lớn và trưởng thành nên không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn anh Huỳnh Thanh N, cụ thể vào các ngày như: ngày 20/01/2021 và ngày 01/3/2021 để hòa giải, tự khai và công khai chứng cứ tại tòa, nhưng bị đơn anh N vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử theo qui định chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị H và anh N tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và chị H có đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh N được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa vào các ngày 15/3/2021 và ngày 09/4/2021 nhưng bị đơn anh N vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ theo qui định tại Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh N.

[2]. Xét quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy đăng kí kết hôn số 110 ngày 01/8/2005 của xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, nên xác định hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân 03 năm cho đến nay. Thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm chăm sóc đến nhau.

Theo chị H, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hơn nữa trong công việc đi làm thuê hàng ngày thì giữa chị và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến khi về nhà thì anh N vô cớ chửi mắng, đánh chị.

Đối với bị đơn anh N, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để đoàn tụ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt. Bên cạnh đó, theo chị H trình bày: anh N có biết về việc chị gửi đơn xin ly hôn và có nhận các lần thông báo, triệu tập của Tòa án nhưng anh N không có ý kiến gì và cũng không muốn đến Tòa.

Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N là có thật. Nếu như anh N có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình thì trong các lần Tòa án triệu tập anh N đã lên để thể hiện ý kiến của mình. Đằng này anh N không hề quan tâm việc chị H yêu cầu ly hôn, chứng tỏ bị đơn cũng không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Hơn nữa, giữa chị H và anh N đã ly thân 03 năm nay, khi ly thân thì không ai quan tâm đến ai.

Do đó, tình trạng vợ chồng giữa anh N, chị H đã thật sự rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị H.

[3] Về tài sản và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác (nếu có yêu cầu).

[4]. Về con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị H thì thời gian chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Quốc T (nam), sinh ngày 25/3/2000 và Huỳnh Ngọc K (nữ), sinh ngày 15/5/2003. Điều này phù hợp với giấy khai sinh các cháu. Nên có cơ sở xác định là con chung của anh N, chị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày hiện tại hai cháu đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân & gia đình: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 264 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Thanh N.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Huỳnh Thanh N.

[2]. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Quốc T (nam), sinh ngày 25/3/2000 và Huỳnh Ngọc K (nữ), sinh ngày 15/5/2003. Đã trưởng thành nên không yêu cầu.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác (nếu có yêu cầu).

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị H phải chịu, khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004903 ngày 08 tháng 12 năm 2020 thành án phí phải chịu.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thúy Nguyên

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.